

|                                                                                                   |                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b><br><b>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b><br><b>TRƯỜNG THPT LƯƠNG VĂN CAN</b> | <b>ĐỀ CHUYỂN BAN (Minh hoạ)</b><br><b>NĂM HỌC 2023 – 2024</b><br><b>Môn: ĐỊA LÍ 10</b><br><i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Họ và tên học sinh:.....Số báo danh:.....

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM( 4,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Ý nào sau đây chưa chính xác về đặc điểm của ngành công nghiệp?

- A. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.
- B. Công nghiệp ngày càng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.
- C. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ.
- D. Có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

**Câu 2:** Việc áp dụng các công nghệ mới vào nông nghiệp nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Sử dụng nhiều tài nguyên.
- B. Chuyên môn hóa sản xuất.
- C. tăng năng suất.
- D. liên kết giữa các vùng nông nghiệp.

**Câu 3:** Ý nào sau đây thể hiện tình hình phát triển của vận tải đường biển hiện nay?

- A. Mở rộng và kết nối với thế giới.
- B. Khối lượng vận chuyển nhỏ.
- C. Vận tải ven bờ.
- D. Cự li vận chuyển ngắn.

**Câu 4:** Hoạt động nội thương phong phú, đa dạng do

- A. kinh tế kém phát triển.
- B. hàng hóa và dịch vụ.
- C. kinh tế khác nhau.
- D. kinh tế phát triển.

**Câu 5:** Phát triển ngành du lịch một cách hợp lí góp phần

- A. bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá.
- B. hạn chế sự phát triển kinh tế.
- C. tạo việc làm và giảm thu nhập.
- D. tập trung phát triển một số ngành kinh tế.

**Câu 6:** Ý nào sau đây không thể hiện vai trò của ngành du lịch?

- A. Thu ngoại tệ.
- B. Đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí.
- C. Tạo việc làm và tăng thu nhập.
- D. Qui trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

**Câu 7:** Sự phân bố các thành phố lớn và các chùm đô thị ảnh hưởng

- A. tới vận tải hành khách.                      B. phương thức vận tải.  
C. quản lý giao thông.                      D. quá trình điều hành.

**Câu 8:** Để rút ngắn khoảng cách vận tải biển

- A. mở rộng các tuyến giao thông biển.                      B. người ta xây dựng các kênh đào.  
C. tăng cường xây dựng nhiều cảng biển.                      D. nạo vét các kênh, sông.

**Câu 9:** Ngành được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

- A. công nghiệp cơ khí.                      B. công nghiệp điện tử - tin học.  
C. công nghiệp năng lượng.                      D. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 10:** Ngành bảo hiểm thuộc nhóm

- A. hành chính công.    B. du lịch.    C. dịch vụ tiêu dùng.    D. dịch vụ kinh doanh.

**Câu 11:** Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

- A. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.                      B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.  
C. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.                      D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 12:** Điểm giống nhau cơ bản của hai giai đoạn sản xuất công nghiệp là

- A. cùng tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.  
B. cùng chế biến nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tiêu dùng.  
C. đều sản xuất bằng thủ công.                      D. đều sản xuất bằng máy móc.

**Câu 13:** Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có vai trò

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.  
B. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người.  
C. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.  
D. vận chuyển người và hàng hóa.

**Câu 14:** Đất trồng là yếu tố không thể thay thế được trong nông nghiệp vì nó là

- A. khả năng phát triển nông nghiệp.                      B. đối tượng lao động.  
C. quyết định cơ cấu cây trồng.                      D. tư liệu sản xuất.

**Câu 15:** Nhân tố nào quyết định sự biến động dân số trên thế giới?

- A. Số người nhập cư.                      B. Số trẻ tử vong hằng năm.  
C. Sinh đẻ và tử vong.                      D. Số người xuất cư.

**Câu 16:** Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

- A. gia tăng dân số.                      B. gia tăng tự nhiên.    C. gia tăng cơ học.      D. quy mô dân số.

**PHẦN 2: TỰ LUẬN( 6,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** (1,5 điểm) Nêu đặc điểm của ngành công nghiệp thực phẩm?

**Câu 2:** (1,5 điểm) Trình bày tình hình phát triển của ngành viễn thông?

**Câu 3:** (3,0 điểm) Cho bảng số liệu: Sản lượng dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 1990- 2020.

Đơn vị: triệu tấn.

| Năm    | 1990    | 2000    | 2010    | 2020    |
|--------|---------|---------|---------|---------|
| Dầu mỏ | 3 157,9 | 3 598,3 | 3 978,6 | 4 165,1 |

- Vẽ biểu đồ thể hiện Sản lượng dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 1990- 2020.
- Nhận xét sự thay đổi Sản lượng dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 1990- 2020.

.....HẾT.....

**ĐÁP ÁN CHUYỂN BAN -ĐỊA LÍ 10- 2023-2024**

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM( 4,0 ĐIỂM)** 1 câu đúng 0,25 điểm

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| B | C | A | B | A | D | A | B | B | D  | C  | D  | A  | D  | C  | C  |

**PHẦN 2: TỰ LUẬN( 6,0 ĐIỂM)**

| CÂU | NỘI DUNG                                                                                                               | ĐIỂM       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>Nêu đặc điểm của ngành công nghiệp thực phẩm?</b>                                                                   | <b>1,5</b> |
|     | - Đa dạng về cơ cấu ngành.                                                                                             | 0,5        |
|     | - Vốn đầu tư ít, thời gian thu hồi vốn nhanh.                                                                          | 0,5        |
|     | - Phụ thuộc vào nguồn lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.                                                | 0,5        |
| 2   | <b>Trình bày tình hình phát triển của ngành viễn thông?</b>                                                            | <b>1,5</b> |
|     | - Đang phát triển nhanh chóng dưới tác động của khoa học - công nghệ, trong đó nổi bật nhất là điện thoại và internet. | 0,5        |
|     | - Điện thoại : phương tiện được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới hiện nay.                                          | 0,5        |
|     | - Internet: tạo ra cuộc cách mạng vĩ đại trong ngành viễn thông thế giới.                                              | 0,5        |
| 3   | a. Vẽ biểu đồ cột đúng, đẹp, chính xác. Có đầy đủ chú thích                                                            | 2,0        |
|     | b. Nhận xét: Sản lượng dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 1990- 2020: tăng liên tục. (dẫn chứng)                          | 1,0        |
|     |                                                                                                                        |            |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ CHUYỂN BAN KHỐI 10**

| T<br>T | Chương/<br>chủ đề | Nội<br>dung/đ<br>ơn vị<br>kiến<br>thức | Mức độ nhận thức    |        |                    |    |                  |        |                         |        | Tổng<br>g<br>%<br>điể<br>m |
|--------|-------------------|----------------------------------------|---------------------|--------|--------------------|----|------------------|--------|-------------------------|--------|----------------------------|
|        |                   |                                        | Nhận biết<br>(TNKQ) |        | Thông hiểu<br>(TL) |    | Vận dụng<br>(TL) |        | Vận dụng<br>cao<br>(TL) |        |                            |
|        |                   |                                        | TNK<br>Q            | T<br>L | TNK<br>Q           | TL | TNK<br>Q         | T<br>L | TNK<br>Q                | T<br>L |                            |

|                       |                                 |                         |            |  |            |                |            |           |            |           |  |
|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|--|------------|----------------|------------|-----------|------------|-----------|--|
| <b>1</b>              | <b>Địa lí dân cư</b>            | Dân số và sự phát triển | <b>2</b>   |  |            |                |            |           |            |           |  |
| <b>2</b>              | <b>Địa lí các ngành kinh tế</b> | Nông nghiệp             | <b>3</b>   |  |            | <b>1a</b>      |            |           |            |           |  |
|                       |                                 | Công nghiệp             | <b>4</b>   |  |            |                |            |           |            |           |  |
|                       |                                 | Dịch vụ                 | <b>7</b>   |  |            | <b>1b</b>      |            |           |            |           |  |
| <b>3</b>              | <b>Kĩ năng</b>                  | Vẽ biểu đồ<br>Nhận xét  |            |  |            |                |            | <b>1a</b> |            | <b>1b</b> |  |
| <b>Tổng số câu</b>    |                                 |                         | <b>16</b>  |  |            | <b>1(a; b)</b> |            | <b>1a</b> |            | <b>1b</b> |  |
| <b>Tổng hợp chung</b> |                                 |                         | <b>40%</b> |  | <b>30%</b> |                | <b>20%</b> |           | <b>10%</b> |           |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ CHUYỂN BAN MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10**

| TT              | Chương/<br>Chủ đề                               | Nội<br>dung/Đơn vị<br>kiến thứ | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                 | Số câu hỏi theo mức độ nhận<br>thức |               |             |                    |
|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------|-------------|--------------------|
|                 |                                                 |                                |                                                                                                                                                                                 | Nhận<br>biết                        | Thông<br>hiểu | Vận<br>dụng | Vận<br>dụng<br>cao |
| Phân môn Địa lí |                                                 |                                |                                                                                                                                                                                 |                                     |               |             |                    |
| 1               | Địa lí dân<br>cư<br>(0,5<br>điểm)               | Dân số và sự<br>phát triển     | <b>Nhận biết</b><br>Gia tăng dân số và các nhân tố tác<br>động                                                                                                                  | 2                                   |               |             |                    |
| 2               | Địa lí các<br>ngành<br>kinh tế<br>(6,5<br>điểm) | Nông nghiệp                    | <b>Nhận biết</b><br>Vai trò, đặc điểm, nhân tố ảnh<br>hưởng                                                                                                                     | 3                                   |               |             |                    |
|                 |                                                 | - Công nghiệp                  | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được đặc điểm của<br>một số ngành<br><b>Thông hiểu</b><br>- Trình bày được đặc điểm của<br>một số ngành: sản xuất hàng tiêu<br>dùng; thực phẩm. | 4                                   | 1a            |             |                    |

|                        |                                |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |                     |                        |                        |
|------------------------|--------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|------------------------|------------------------|
|                        |                                | – Dịch vụ           | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng.<br>- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới.<br><b>Thông hiểu</b><br>– Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, | 7                      | 1b                  |                        |                        |
| 3                      | <b>Kĩ Năng<br/>( 3,0 điểm)</b> | Biểu đồ<br>Nhận xét | Vẽ biểu đồ<br>Nhận xét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                        |                     | <b>1a</b>              | 1b                     |
| <b>Số câu/loại câu</b> |                                |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>16 câu<br/>TNKQ</b> | <b>1 Câu<br/>TL</b> | <b>1 câu<br/>(a)TL</b> | <b>1 câu<br/>(b)TL</b> |
| <b>Tổng hợp chung</b>  |                                |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>40%</b>             | <b>30%</b>          | <b>20%</b>             | <b>10%</b>             |